TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Lê Hữu Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn B - Sinh năm 1975

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị C - Sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt Ông B và bà C. Ông B và bà C đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày: Ông và bà Bùi Thị C tự nguyện tìm hiểu về chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1998 do không hiểu biết pháp luật nên ông và bà C không không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và cách làm ăn cư xử trong gia đình, cuộc sống do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, to tiếng, xúc phạm nhau rồi mỗi người đi làm ăn xa , dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, trong

cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Bùi Thị C.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà C có với nhau hai con chung là Phạm Thị Phương A- Sinh ngày 05/6/2000 và cháu Phạm Gia B - Sinh ngày 23/12/2005. Hiện tại cháu Phương Ađã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Gia B khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà C mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị C trình bày: Bà và ông Phạm Văn B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 cho đến thời điểm hiện tại bà và ông B chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do đó vợ, chồng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng về chung sống cho đến năm 2003 thì bà biết phát hiện ông B có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác về nhà ông B thường xuyên đánh đập bà. Nay ông B làm đơn đến Tòa án xin giải quyết ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

Về con chung: Bà và ông B có với nhau hai con chung là Phạm Thị Phương A-Sinh ngày 05/6/2000 và cháu Phạm Gia B - Sinh ngày 23/12/2005. Hiện tại cháu Phương Ađã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Gia B khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành. Bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C không có đăng ký kết hôn do đó Tòa án không tiến hành hòa giải giữa ông B và bà C về phần hôn nhân, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với bà Bùi Thị C. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C đều đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nộp cho Tòa án bản tự khai. Do điều kiện công việc đường

xá xa xôi không thuận lợi nên cả ông B và bà C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông B và bà C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành phân tích, động viên các bên quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn nhưng cả ông B và bà C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Xét thấy việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa chị ông B và bà C từ năm 1998 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng do đó căn cứ vào Điều 9; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông B và bà C có với nhau hai con chung là Phạm Thị Phương A- Sinh ngày 05/6/2000 và cháu Phạm Gia B - Sinh ngày 23/12/2005. Hiện tại cháu Phương Ađã trưởng thành đã lập gia đình riêng nên ông B và bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Gia B khi ly hôn cả ông B và Bà C đều có nguyện vọng khi ly hôn giao cháu Gia B cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, (theo nguyện vọng của cháu B) là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông B và bà C đều thống nhất, khi ly hôn giao con cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà C mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu B đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận ý kiến của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Phạm Văn B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 14, 51; 53, 81. 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C là vợ chồng.

2.Về con chung: Ông B và bà C có 02 con chung Phạm Thị Phương A- Sinh ngày 05/6/2000 và Phạm Gia B - Sinh ngày 23/12/2005. Cháu Phương Ađã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Phạm Gia B cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Ông Phạm Văn B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà C mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu B đến tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2023.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí mà ông B phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0000405 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Phạm Văn B còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông B và bà C, ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành